

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

| | |
|-------------------|-------------------------|
| Tên chương trình | : Tài chính - Ngân hàng |
| Trình độ đào tạo | : Thạc sĩ |
| Ngành đào tạo | : Tài chính - Ngân hàng |
| Tên Tiếng Anh | : Finance - Banking |
| Loại hình đào tạo | : Chính quy |
| Khóa học | : 2018 |
| Mã số | : 8340201 |

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~179~~ /QĐ – ĐT, ngày ~~19~~ tháng ~~6~~. năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng, giúp cho học viên Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; Có trình độ lý thuyết chuyên sâu, có năng lực cao về thực hành, có khả năng nghiên cứu, sáng tạo, làm việc độc lập, có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Có đủ trình độ tiếng Anh để sử dụng khi nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và thái độ:

Về kiến thức:

+ Vận dụng được các kiến thức chung, cơ sở, chuyên ngành được bổ sung, cập nhật và nâng cao một cách có hệ thống để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề về trong trong Tài chính – Ngân hàng và xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với nền kinh tế hiện đại.

+ Vận dụng được các kiến thức thực tiễn thông qua giải quyết các bài tập tình huống.

+ Nâng cao kiến thức về nghiên cứu khoa học, để có khả năng nghiên cứu trong hoạt động Tài chính – Ngân hàng

+ Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

- Về kỹ năng:

+ Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về tài chính và ngân hàng, đặc biệt là những vấn đề tài chính và ngân hàng trong môi trường kinh doanh quốc tế và điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập đối với các vấn đề tài chính và ngân hàng

+Nâng cao kỹ năng ứng dụng, để giải quyết các vấn đề thực tiễn tài chính và ngân hàng của các doanh nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức trong và ngoài nước.

+ Có năng lực nghiên cứu, tổ chức triển khai các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn một cách hiệu quả.

+ Nâng cao kỹ năng ứng dụng, để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

+ Làm chủ các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định để đương đầu với các biến động thường nhật của môi trường kinh tế.

+ Phát triển được kỹ năng tiếp nhận, xử lý thông tin, xác định phân tích vấn đề;

+ Sử dụng được thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Có thể viết được báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn và trình bày được rõ ràng các ý kiến, phản biện một vấn đề của chuyên ngành.

-Về thái độ:

+ Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và luôn luôn có tinh thần trách nhiệm trong công việc ở mọi nơi, mọi lúc.

+ Có tinh thần tìm tòi khám phá, dám chấp nhận mọi khó khăn để thực hiện tốt công việc nghiên cứu khoa học có hiệu cả về lý luận và cả về thực tiễn.

+ Luôn luôn gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành quy chế làm việc trong tổ chức.

+ Tiếp tục nghiên cứu, học tập lên bậc tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước về lĩnh vực tài chính và ngân hàng.

1.3. Chuẩn đầu ra:

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ pháp luật, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành, người học sau khi tốt nghiệp sẽ đạt chuẩn các năng lực về:

1. Kiến thức và lập luận ngành

- Có kiến thức nền tảng về toán và khoa học kinh tế
- Nắm vững kiến thức cơ sở ngành Tài chính – Ngân hàng như: Tiền tệ, Ngân hàng, Thị trường tài chính, kế toán ngân hàng, thống kê ứng dụng.
- Quản trị chuyên sâu: Có kiến thức chuyên sâu, các công cụ về Ngân hàng thương mại, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công, Tài chính quốc tế, Kinh tế lượng, Dự án đầu tư, Mô hình tài chính...
- Có năng lực phân tích thị trường và khách hàng.

2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên cao học đạt được các kỹ năng sau:

- Nâng cao kỹ năng nghiên cứu và giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực tài chính; quản lý, điều hành doanh nghiệp, ngân hàng;
- Đề xuất và xây dựng các hướng nghiên cứu chuyên sâu về một số lĩnh vực quản trị ngân hàng, quản trị tài chính, dự án đầu tư, tài chính công, phân tích tác động của thuế, phân tích các hành vi kinh tế, phân tích dự báo các chỉ số kinh tế...;
- Có khả năng thực hiện các công tác quản lý, điều hành, giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế;

- Có năng lực nghiên cứu, tổ chức triển khai các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn một cách hiệu quả;
- Phát triển được kỹ năng tiếp nhận, xử lý thông tin, xác định phân tích vấn đề, đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề;
- Sử dụng được thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Có thể viết được báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn và trình bày được rõ ràng các ý kiến, phản biện một vấn đề của chuyên ngành;
- Học viên sẽ được trang bị và hoàn thiện các kỹ năng như: Kỹ năng tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng kiến thức được học đưa ra giải pháp để giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; kỹ năng làm việc hợp tác theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ được giao; kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao; kỹ năng tự chịu trách nhiệm và giải quyết vấn đề.

3. Kỹ năng, phẩm chất liên cá nhân

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và luôn luôn có tinh thần trách nhiệm trong công việc ở mọi nơi, mọi lúc.
- Có tinh thần tìm tòi khám phá, dám chấp nhận mọi khó khăn để thực hiện tốt công việc nghiên cứu khoa học có hiệu cả về lý luận và cả về thực tiễn.
- Luôn luôn gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành quy chế làm việc trong tổ chức.

4. Năng lực thực hành nghề nghiệp

Với kiến thức, năng lực chuyên môn đã được trang bị trong nhà trường, sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể làm việc tại các ngân hàng thương mại,

các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác, các trường đại học, viện nghiên cứu ở những vị trí làm việc sau:

- **Giảng dạy** tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc dạy nghề về quản trị kinh doanh.
- **Nghiên cứu** tại các viện, học viện, phòng nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước.
- **Lãnh đạo** tại các ngân hàng, doanh nghiệp, tổ chức hành chính sự nghiệp trên các cương vị: Trưởng, phó các phòng ban, bộ phận, tổ kinh doanh, tín dụng, thẩm định, lập kế hoạch trong các ngân hàng, doanh nghiệp, công ty cổ phần, đặc biệt có lợi thế trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, thương mại tại các vị trí như: quản trị chiến lược, tài chính, bảo hiểm, bộ phận tín dụng, thẩm định; trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh tại ngân hàng và doanh nghiệp; có khả năng tự khởi nghiệp như thành lập doanh nghiệp.
- Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng có thể tiếp tục học lên Nghiên cứu sinh để đạt trình độ tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công việc.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ: 60 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Theo thông tư 15/2014/ TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và ban hành quy chế đào tạo Thạc sĩ. Người dự tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng phải có các điều kiện sau đây:

Về văn bằng:

Những đối tượng tuyển sinh gồm có: Ngành đúng, còn ngành phù hợp và ngành gần phải bổ túc kiến thức là một số môn học trong chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Tên môn học cụ thể tương ứng với những khối

kiến thức này do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Tài chính Kế toán xác định và đề xuất.

Về thâm niên công tác:

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên, không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì được dự thi ngay.
- Những người có Bằng tốt nghiệp đại học dưới loại Khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

Các điều kiện khác:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo thông tư số 15/ 2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/05/2014 về Quy chế đào tạo thạc sĩ.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp với chuyên ngành

- **Nhóm 1: Ngành đúng**, ngành phù hợp có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Tài chính Ngân hàng, Tài chính Doanh nghiệp, Tài chính, Ngân hàng.
- **Nhóm 2: Ngành gần**, có bằng tốt nghiệp đại học ngành: chuyên ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế quốc tế, chuyên ngành Kinh tế phát triển, chuyên ngành Quản trị, chuyên ngành Kế toán, chuyên ngành Luật kinh tế.
- **Nhóm 3: Ngành khác**, có bằng tốt nghiệp ngành không thuộc hai nhóm ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần ở trên.

Nhà trường sẽ căn cứ vào các học phần trong bảng điểm của người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành kinh tế đã nêu trên để đề xuất với nhà trường

yêu cầu người học đó bổ sung các môn học cần thiết khác.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ XÉT TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo:

Gồm 3 học kì chính và thực hiện luận văn.

Sau khi có kết quả thi tuyển sinh các học viên thuộc diện học chuyển đổi, phải hoàn tất các học phần chuyển đổi trước khi vào học kì chính.

5.2. Điều kiện bảo vệ:

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong CTĐT đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10)
- Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định, tối thiểu TOEIC 450 hoặc tương đương;
- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn làm luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;
- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

5.3. Điều kiện tốt nghiệp:

Kết thúc khoá học, những học viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT.
- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện

và lưu trữ theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT.

- Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của cơ sở đào tạo theo quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT.

6. THANG ĐIỂM: 10

7. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

7.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

| KHỐI KIẾN THỨC | KT bắt buộc (TC) | KT tự chọn (TC) | Tổng (TC) |
|---|------------------|-----------------|-----------|
| A. Khối kiến thức chung | 6 | 0 | 6 |
| B. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành | 26 | 18 | 44 |
| C. Luận văn tốt nghiệp | 10 | 0 | 10 |
| Tổng khối lượng | 42 | 18 | 60 |

7.2. Danh mục học phần trong chương trình

7.2.1. Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ

| TT | Mã môn | Tên môn | Mã học phần | TC | Số tiết LT | Số tiết TH | Ghi chú |
|----|--------|------------------------|-------------|----------|------------|------------|---------|
| 1 | 073318 | Triết học (Philosophy) | 1101073318 | 3 | 45 | 0 | |
| 2 | 074508 | Tiếng Anh (English) | 1101074508 | 3 | 45 | 0 | |
| | | Tổng | | 6 | 90 | 0 | |

7.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 26 tín chỉ

| TT | Mã môn | Tên môn | Mã học phần | TC | Số tiết LT | Số tiết TH | Ghi chú |
|----|--------|---|-------------|----|------------|------------|---------|
| 1 | 074074 | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research methodology) | 1101074074 | 2 | 30 | 0 | |
| 2 | 074075 | Lý thuyết Tài chính tiền tệ (Money and Finance) | 1101074075 | 3 | 45 | 0 | |

| | | | | | | | |
|---|--------|--|------------|-----------|------------|----------|--|
| 3 | 074076 | Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance) | 1101074076 | 3 | 45 | 0 | |
| 4 | 074077 | Tài chính quốc tế (International Finance) | 1101074077 | 3 | 45 | 0 | |
| 5 | 074078 | Mô hình tài chính công (Financial Modeling) | 1101074078 | 3 | 45 | 0 | |
| 6 | 074079 | Quản trị ngân hàng thương mại (Banking Management) | 1101074079 | 3 | 45 | 0 | |
| 7 | 074080 | Đầu tư tài chính (Financial Investment) | 1101074080 | 3 | 45 | 0 | |
| 8 | 074081 | Tài chính phái sinh (Derivatives Finance) | 1101074081 | 3 | 45 | 0 | |
| 9 | 074082 | Phân tích chính sách thuế (Tax Policy Analysis) | 1101074082 | 3 | 45 | 0 | |
| | | Tổng | | 26 | 390 | 0 | |

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 18 tín chỉ

| TT | Mã môn | Tên môn | Mã học phần | TC | Số tiết LT | Số tiết TH | Ghi chú |
|----|--------|--|----------------|----|---------------|---------------|---------|
| 1 | 073959 | Kinh tế vĩ mô (Macroeconomic) | 1101073959 | 2 | 30 | 0 | |
| 2 | 073960 | Kinh tế vi mô (Microeconomic) | 1101074084 | 2 | 30 | 0 | |
| 3 | 074085 | Kinh tế lượng tài chính (Econometrics) | 1101074085 | 3 | 45 | 0 | |
| 4 | 074086 | Luật kinh tế (Economic Law) | 1101074086 | 3 | 45 | 0 | |
| 5 | 074087 | Mô hình tài chính (Financial Modeling) | 1101074087 | 3 | 45 | 0 | |
| 6 | 074088 | Quản trị rủi ro tài chính- (Financial Risk Management) | 1101074088 | 3 | 45 | 0 | |
| 7 | 074089 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Banking Transactions) | 1101074089 | 3 | 45 | 0 | |
| 8 | 074093 | Nghiệp vụ ngân hàng trung ương (Banking Transactions) | 1101074093 | 3 | 45 | 0 | |
| 9 | 073949 | Nghệ thuật lãnh đạo (Leadership) | 1101073949 | 3 | 30 | 30 | |
| 10 | 074090 | Quản trị và phân tích dự án | 1101074090 | 3 | 45 | 0 | |

| | | | | | | | |
|-------------|--------|--|------------|-----------|------------|-----------|--|
| | | (Management and project analysis) | | | | | |
| 11 | 074091 | Luật tài chính (Financial Law) | 1101074091 | 3 | 45 | 0 | |
| 12 | 074092 | Hệ thống thông tin quản lý (Management information system) | 1101074092 | 3 | 45 | 0 | |
| 13 | 074926 | Tài chính tiền tệ | 1101074926 | 2 | 30 | 0 | |
| 14 | 074927 | Tài chính doanh nghiệp | 1101074927 | 2 | 30 | 0 | |
| Tổng | | | | 18 | 255 | 30 | |

7.2.3. Luận văn thạc sĩ: 10 tín chỉ

| TT | Mã môn | Tên môn | Mã học phần | TC | Số tiết LT | Số tiết TH | Ghi chú |
|-------------|--------|---------------------------|-------------|-----------|------------|------------|---------|
| 1 | 074413 | Luận văn thạc sĩ (Thesis) | 1101074413 | 10 | 0 | 300 | |
| Tổng | | | | 10 | 0 | 300 | |

7.3. Kế hoạch giảng dạy

| STT | Mã môn học | Tên môn học | Mã học phần | Số tín chỉ | Số tiết LT | Số tiết TH | Điều kiện tiên quyết |
|--------------------------|------------|--------------------------------------|-------------|------------|------------|------------|----------------------|
| Học kỳ 1 | | | | 14 | 210 | 0 | |
| Học phần bắt buộc | | | | 8 | 120 | 0 | |
| 1 | 073318 | Triết học | 1101073318 | 3 | 45 | 0 | |
| 2 | 074074 | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học | 1101074074 | 2 | 30 | 0 | |
| 3 | 074075 | Lý thuyết Tài chính tiền tệ | 1101074075 | 3 | 45 | 0 | |
| Học phần tự chọn | | | | 6 | 90 | 0 | |
| 1 | 073959 | Kinh tế vĩ mô | 1101073959 | 2 | 30 | 0 | |
| 2 | 073960 | Kinh tế vi mô | 1101073960 | 2 | 30 | 0 | |
| 3 | 074083 | Kinh tế vĩ mô | 1101074083 | 3 | 45 | 0 | |
| 4 | 074084 | Kinh tế vi mô | 1101074084 | 3 | 45 | 0 | |
| 5 | 074085 | Kinh tế lượng tài chính | 1101074085 | 3 | 45 | 0 | |
| 6 | 074086 | Luật kinh tế | 1101074086 | 3 | 45 | 0 | |
| 7 | 074926 | Tài chính tiền tệ | 1101074926 | 2 | 30 | 0 | |
| 8 | 074927 | Tài chính doanh nghiệp | 1101074927 | 2 | 30 | 0 | |
| Học kỳ 2 | | | | 18 | 270 | 0 | |
| Học phần bắt buộc | | | | 12 | 180 | 0 | |

| | | | | | | | |
|--------------------------|--------|--------------------------------|------------|-----------|------------|------------|--|
| 1 | 074076 | Tài chính doanh nghiệp | 1101074076 | 3 | 45 | 0 | |
| 2 | 074077 | Tài chính quốc tế | 1101074077 | 3 | 45 | 0 | |
| 3 | 074078 | Mô hình tài chính công | 1101074078 | 3 | 45 | 0 | |
| 4 | 074079 | Quản trị ngân hàng thương mại | 1101074079 | 3 | 45 | 0 | |
| Học phần tự chọn | | | | 6 | 90 | 0 | |
| 1 | 074087 | Mô hình tài chính | 1101074087 | 3 | 45 | 0 | |
| 2 | 074088 | Quản trị rủi ro tài chính | 1101074088 | 3 | 45 | 0 | |
| 3 | 074089 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 1101074089 | 3 | 45 | 0 | |
| 4 | 074093 | Nghiệp vụ ngân hàng trung ương | 1101074093 | 3 | 45 | 0 | |
| Học kỳ 3 | | | | 18 | 255 | 30 | |
| Học phần bắt buộc | | | | 12 | 180 | 0 | |
| 1 | 074080 | Đầu tư tài chính | 1101074080 | 3 | 45 | 0 | |
| 2 | 074081 | Tài chính phát sinh | 1101074081 | 3 | 45 | 0 | |
| 3 | 074082 | Phân tích chính sách thuế | 1101074082 | 3 | 45 | 0 | |
| 4 | 074508 | Tiếng Anh | 1101074508 | 3 | 45 | 0 | |
| Học phần tự chọn | | | | 6 | 75 | 30 | |
| 1 | 073949 | Nghệ thuật lãnh đạo | 1101073949 | 3 | 30 | 30 | |
| 2 | 074090 | Quản trị và phân tích dự án | 1101074090 | 3 | 45 | 0 | |
| 3 | 074091 | Luật tài chính | 1101074091 | 3 | 45 | 0 | |
| 4 | 074092 | Hệ thống thông tin quản lý | 1101074092 | 3 | 45 | 0 | |
| Học kỳ 4 | | | | 10 | 0 | 300 | |
| Học phần bắt buộc | | | | 10 | 0 | 300 | |
| 1 | 074413 | Luận văn thạc sĩ | 1101074413 | 10 | 0 | 300 | |

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Chương trình ngành Tài chính Ngân hàng trường Đại học ngoại thương,

- Chương trình ngành Tài chính Ngân hàng Đại học mở TP.HCM,
- Chương trình ngành Tài chính ngân hàng trường Đại học Monash – Úc.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thạc sĩ “*Tài chính – Ngân hàng*” theo định hướng ứng dụng, được thiết kế theo mô hình đơn ngành và tuân thủ các quy định chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần..

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy các học phần, cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần, để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, cung cấp cho học viên trước một tuần, để học viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

9.3. Đối với học viên

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Học viên tự nghiên cứu thông qua giáo trình tài liệu tham khảo hoặc qua Internet;

- Tự học là yêu cầu bắt buộc, mỗi môn học ngoài thời lượng chuẩn quy định, học viên phải dành thời lượng tương tự cho từng môn để tự học.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm luận án

-Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần.

9.4. Phương pháp giảng dạy:

-Sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong quá trình đào tạo, khuyến khích và tạo cơ hội cho học viên tích cực chủ động sáng tạo từ đó nâng cao khả năng phân tích, phát triển và giải quyết các vấn đề.

- Giảng dạy trên lớp:

+ Bài giảng trực tiếp của giảng viên

+ Bài tập thực hành - thảo luận

+ Có bài tập lớn hoặc tiểu luận.

- Phương pháp thực hành, hội thảo

+ Học viên sẽ tham quan thực tế để trao đổi kinh nghiệm;

+ Học viên sẽ tham dự một số buổi hội thảo khoa học có chủ đề cụ thể tập trung vào một số vấn đề có liên quan đến nội dung nghiên cứu. Tổ chức thảo luận theo nhóm.

9.5. Luận văn:

- Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

- Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

- Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

- Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

9.6. Kiểm tra, đánh giá học phần :

-Điểm chấm theo thang điểm 10.

-Tổ chức kiểm tra thường kỳ, bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của đề cương chi tiết môn học. Tổ chức thi kết thúc học phần.

-Chấm điểm kiểm tra thường kỳ, thi kết thúc môn học do hai giảng viên chấm.

10. CÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ MÔN HỌC

Các môn học được đánh giá theo điểm quá trình và điểm thi cuối kỳ, cụ thể như sau:

Điểm quá trình: 20%

Điểm thi giữa kì: 20%

Điểm cuối kỳ: 60%

11. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Triết học: 3 (45; 0; 90)

(Philosophy)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Bộ môn lý luận chính trị

Nội dung chương trình theo thông tư 08/2013/TT-BGDĐT: Ban hành chương trình Triết học khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ. Chương trình môn Triết học có 8 chương : Khái luận về triết học; Bản thể luận; Phép biện chứng; Nhận thức luận; Học thuyết hình thái kinh tế - Xã hội; Triết học chính trị; Ý Thức xã hội; Triết học về con người.

Tiếng Anh: 3 (45; 0; 90)

(English in Finance & Banking)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần sẽ giúp học viên phát triển các kỹ năng giao tiếp thông thạo trong môi trường làm việc quốc tế, cũng như trong việc làm kinh doanh, trong công việc ở lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng sau này. Nội dung bao gồm những đề tài có liên quan đến môi trường làm việc trong các công ty, các thương hiệu, mua bán, giải quyết mâu thuẫn, giao tiếp nơi công sở. Mỗi bài có Case Study giúp học viên thảo luận nhóm, những tình huống thực tế trong kinh doanh. Ở từng đơn vị bài học, học viên có thể hiểu và biết được cách viết e-mail, CV, báo cáo, hợp đồng kinh doanh bằng tiếng Anh, cũng như cách phân tích tài chính của một Công ty.

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: 2 (30; 0; 60)

(Research methodology)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung học phần gồm: những vấn đề lý luận cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học. Trong đó học viên sẽ được nghe, hiểu nội dung những phạm trù cơ bản như: Khoa học, nguồn gốc của khoa học, con đường đi tới khoa học của nhân loại, nghiên cứu khoa học, các loại hình nghiên cứu khoa học, các loại đề tài nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học; cách chọn và đặt tên một đề tài nghiên cứu khoa học, luận cứ luận chứng khoa học, đối tượng nghiên cứu, đối tượng khảo sát, nội hàm và ngoại diên của một đề tài, các bước thực hiện và thể hiện một đề tài khoa học... Về thực hành, học viên được thực tập lập đề cương đấu thầu một đề tài khoa học cấp ngành, cấp bộ và cấp nhà nước và đặc biệt lập đề cương cho một luận án tiến sĩ và thạc sĩ chuyên ngành. Trên cơ sở đó giúp học viên bổ sung kiến thức lý luận về nghiên cứu khoa học và thực hành làm một đề tài khoa học và thiết thực là biết cách thực hiện một đề tài tốt nghiệp cấp thạc sĩ.

Lý thuyết Tài chính Tiền tệ: 3 (45; 0; 90)

(Money and Finance)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần nghiên cứu về các lý luận chuyên sâu về tài chính, tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng để nghiên cứu các môn nghiệp vụ.

Tài chính doanh nghiệp: 3 (45; 0; 90)

(Corporate Finance)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Tài chính doanh nghiệp là môn học trung tâm trong hệ thống các môn học chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp. Các học viên cao học sẽ nghiên cứu những chủ đề trung tâm của

Tài chính doanh nghiệp là chính sách cổ tức, cấu trúc vốn và giá trị doanh nghiệp, thị trường hiệu quả, tài chính hành vi và các chứng khoán phái sinh.

Tài chính quốc tế: 3 (45; 0; 90)

(International Finance)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần này nhằm nâng cao kiến thức cho các học viên các khía cạnh quốc tế của tài chính. Nền kinh tế quốc tế đóng vai trò ngày càng quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế, đặc biệt là lĩnh vực tài chính và học viên cần nhận thức được các vấn đề rủi ro cũng như các cơ hội của sự phát triển này. Tài chính quốc tế khác với tài chính trong nước về việc đề cập đến các yếu tố ngoại tệ phổ biến trong các giao dịch và việc sử dụng các chính sách tài chính, tiền tệ của quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu cân bằng trong giao dịch quốc tế cũng như đảm bảo các mục tiêu cân bằng trong nước.

Mô hình tài chính công: 3 (45; 0; 90)

(Financial Modeling)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần này tập trung nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công.

Quản trị Ngân hàng thương mại: 3 (45; 0; 90)

(Banking Management)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần gồm các kiến thức nâng cao, kinh nghiệm về quản trị tài sản nợ, tài sản có và rủi ro trong kinh doanh ngân hàng. Học phần tập trung vào các kỹ năng nhằm quản trị các

vấn đề về tài sản nợ và tài sản có trong ngân hàng, phân tích các loại rủi ro đặc thù như rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro ngoại hối và rủi ro thanh khoản.

Đầu tư tài chính: 3 (45; 0; 90)

(Financial Investment)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung học phần gồm: lý thuyết quản lý danh mục đầu tư; các mô hình định giá chứng khoán; các phương pháp phân tích và dự báo giá chứng khoán; chiến lược đầu tư vốn cổ phần và trái phiếu; chiến lược phân bổ tài sản và quản lý danh mục đầu tư; đánh giá thành quả quản lý danh mục đầu tư.

Tài chính phái sinh: 3 (45; 0; 90)

(Derivatives Finance)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản nhất về rủi ro và quản trị rủi ro tài chính, giới thiệu những hoạt động trên thị trường phái sinh (các hợp đồng kỳ hạn, tương lai, quyền chọn) trình bày cách áp dụng các công cụ phái sinh để đầu tư vào các tài sản tài chính.

Phân tích chính sách thuế: 3 (45; 0; 90)

(Tax Policy Analysis)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần Phân tích chính sách thuế xem xét, phân tích và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với hoạt động chung của nền kinh tế và hoạt động kinh doanh cụ thể tại doanh nghiệp. Ở bậc đào tạo cao học, môn Phân tích chính sách thuế phát triển thuế với tư cách một công cụ tài chính sắc bén của chính phủ trong điều chỉnh hoạt động kinh tế-xã hội của đất nước. Môn học Phân tích chính sách thuế không chỉ cần thiết cho những người làm chính sách mà cần cho cả những doanh nhân và các nhà quản trị doanh nghiệp.

Kinh tế vĩ mô: 3 (45; 0; 90)



(Macroeconomic)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung học phần gồm những kiến thức nâng cao về kinh tế vĩ mô gồm: nghiên cứu sâu kết cấu kinh tế thị trường: thị trường hàng hóa, tiền tệ, ngoại hối... Trong đó tập trung vào phân tích hộp đen kinh tế với tư cách hoạt động của cơ chế thị trường, quyết định sự thay đổi của giá cả, sản lượng và sự bùng phát các rủi ro kinh tế do chính hoạt động tự phát của cơ chế thị trường sinh ra các chu kỳ kinh doanh, thất nghiệp, lạm phát và sự điều tiết của chính phủ để khắc phục nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững, tăng trưởng xanh.

Kinh tế vi mô: 3 (45; 0; 90)

(Microeconomic)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần gồm những kiến thức nâng cao về Kinh tế vi mô như: thị trường, cầu và cung, lý thuyết hành vi của người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất và chi phí, lý thuyết cạnh tranh hoàn toàn, lý thuyết độc quyền hoàn toàn, lý thuyết cạnh tranh không hoàn toàn.

Kinh tế lượng Tài chính: 3 (45; 0; 90)

(Econometrics)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung học phần gồm kiến thức tổng quan về kinh tế lượng, các ứng dụng kinh tế lượng trong thực tiễn, các kỹ năng sử dụng phần mềm định lượng chuyên dụng EXCEL; EVIEWS; SPSS.

Luật kinh tế: 3 (45; 0; 90)

(Economic Law)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Pháp Luật Kinh tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại, Bản chất pháp lý của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh, công ty cổ phần và công ty TNHH; đặc điểm và phân loại hợp đồng.

Mô hình tài chính: 3 (45; 0; 90)

(Financial Modeling)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng lập các mô hình tài chính để ứng dụng giải quyết các bài toán tài chính, phân tích đánh giá, thẩm định tài chính trên cơ sở sử dụng các mô hình tài chính và phần mềm Excel.

Quản trị rủi ro Tài chính: 3 (45; 0; 90)

(Financial Risk Management)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần gồm những kiến thức nâng cao về các công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính trên phương diện doanh nghiệp như: Rủi ro đầu tư tài chính trên thị trường chứng khoán và chứng khoán phát sinh; Rủi ro quản trị dòng ngân lưu; Rủi ro tỷ giá trên thị trường ngoại hối; Rủi ro lãi suất và tín dụng

Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại: 3 (45; 0; 90)

(Banking Transactions)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần gồm những kiến thức nâng cao về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: chức năng và hoạt động của ngân hàng thương mại, đánh giá hoạt động của ngân hàng thương mại, nghiệp vụ huy động tiền gửi, nghiệp vụ huy động vốn qua phát hành chứng từ có giá, những vấn đề nâng cao về hoạt động tín dụng của NHTM, nghiệp vụ cho vay khách hàng doanh nghiệp, nghiệp vụ cho thuê tài sản nghiệp vụ bao thanh toán – factoring, các nghiệp vụ cấp tín dụng khác dành cho doanh nghiệp.

Quản trị và phân tích dự án: 3 (45; 0; 90)

(Management and project analysis)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng phân tích, đánh giá, thẩm định dự án đầu tư nhằm mục đích phát hiện và ngăn chặn những dự án xấu, không

bỏ sót các dự án tốt trong điều kiện giới hạn về nguồn lực. Giúp cho học viên nhận diện được vai trò quan trọng của việc quản trị và phân tích dự án đầu tư trong sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương: 3 (45; 0; 90)

(Banking Transactions)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung học phần gồm các kiến thức về các mặt hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng trung ương trên cơ sở đó giúp người học vận dụng tốt kiến thức được trang bị để xử lý các hoạt động tiền tệ, tín dụng, thanh toán và quản lý ngoại hối.

Luật tài chính: 3 (45; 0; 90)

(Financial Law)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật về tài chính công như pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về thuế. Qua học phần này học viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về chính sách tài chính công cũng như nội dung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động tài chính công của Việt Nam

Hệ thống thông tin quản lý: 3 (45; 0; 90)

(Management information system)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Nội dung của học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các yếu tố cấu thành, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hệ thống thông tin trong tổ chức; đánh giá hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin quản lý; phân tích, thiết kế, cài đặt một hệ thống thông tin; phát triển, kiểm soát hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp.

Nghệ thuật lãnh đạo: 3 (30; 30; 90)

(Leadership)

Điều kiện tiên quyết: không.

Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Học phần Lãnh đạo là học phần lựa chọn trong chương trình đào tạo cao học . Học phần nghiên cứu lãnh đạo dưới góc độ phục vụ cho các nhà lãnh đạo, nhà quản lý cũng như nhà chuyên môn. Học phần này được thiết kế theo các chuyên đề, trong đó cung cấp những kiến thức nâng cao và sâu hơn về lãnh đạo, đặc biệt chú ý đến kỹ năng lãnh đạo ở các cấp độ lãnh đạo cá nhân, lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức, lãnh đạo xã hội.

Luận văn: 10 (0, 300, 0)

(Thesis)

Điều kiện tiên quyết: không.

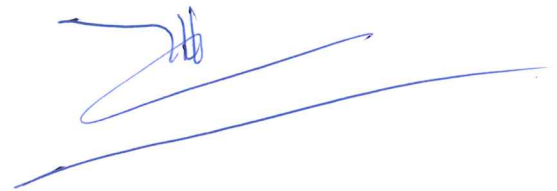
Khoa phụ trách: Khoa Tài chính – Kế toán

Luận văn thạc sỹ là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu sẽ xác định sự thiếu hụt về lý thuyết và thực tiễn của chủ đề nghiên cứu, cũng như xây dựng được câu hỏi nghiên cứu để từ đó xác định tài liệu tham khảo phù hợp; nhằm giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới trong lĩnh vực chuyên ngành.

KT HIỆU TRƯỞNG 
LỤC PHỤ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NGUYỄN TẤT THÀNH
TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỜNG KHOA



TS. Thái Hồng Thụy Khánh

